

Bản án số: 25/2023/DS-ST

Ngày: 17-10-2023

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Bùi Thị Ngọc.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vương Thị Hội;

2. Ông Nguyễn Văn Thi;

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17/10/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K. Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2023/TLST-DS ngày 08/3/2023, về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-DS ngày 07/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-DS ngày 25/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cháu Nguyễn Duy C, sinh ngày 05/8/2007 và cháu Nguyễn Chí C, sinh ngày 17/8/2010;

Người đại diện hợp pháp của cháu C và cháu C là bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1985 (*là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Duy C và Nguyễn Chí C*);

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Thành An, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai;

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn 3, xã ĐăkHlơ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn 2, xã Thành An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai;

+ Bà Lâm Thị Thuý L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Làng Lọk, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai;

Bà H có mặt tại phiên tòa; bà N và bà L đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện; các bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cháu Nguyễn Duy C và cháu Nguyễn Chí C là bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Duy Cường trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Bản án số 11/2021/HNGĐ-ST ngày 06/10/2021 của Toà án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Bà và ông Cường có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy C và cháu Nguyễn Chí C và về phần tài sản chung bà và ông Cường tự thoả thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Tài sản chung được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bà và ông Cường là quyền sử dụng diện tích đất 6.137m² đất trồng cây hàng năm tại thôn 3 (*trước là thôn 5*), xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 238, tờ bản đồ số 14, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy Cường số AP 233304 ngày 28/5/2009 do Uỷ ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai. Ngày 06/11/2022, ông Cường chết nhưng không để lại di chúc định đoạt di sản trong khối tài sản chung với bà nêu trên và hiện nay cũng chưa tiến hành phân chia di sản thừa kế của ông Cường. Sau đó, ngày 14/01/2023 bà Thuỷ mẹ ruột của ông Cường chết cũng không để lại di chúc định đoạt di sản thừa kế của bà Thuỷ. Vì vậy, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Duy Cường là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng diện tích đất 6.137m² đất trồng cây hàng năm tại thôn 3 (*trước là thôn 5*), xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 238, tờ bản đồ số 14, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy Cường số AP 233304 ngày 28/5/2009 do Uỷ ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai. Đề nghị Toà án chia thừa kế cho những người được nhận thừa kế theo quy định của pháp luật và đề nghị cho cháu Nguyễn Duy C và cháu Nguyễn Chí C được nhận kỷ phần bằng tiền mặt. Ngoài ra không yêu cầu phân chia di sản thừa kế nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/6/2023, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đo đạc để xác định quyền sử dụng đất là di sản thừa kế đang tranh chấp. Theo kết quả đo đạc xác định diện tích thửa đất 238 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 6.137m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trong đó: Diện tích thu hồi GPMB đường liên huyện là 720,5m²; Diện tích nằm trong CGQHGT là 482,9 m²; Diện tích còn lại của thửa đất là **4.933,6 m²**, gồm 02 thửa: Thửa 01 có diện tích là **4.851,1 m²** và thửa 02 có diện tích là **82,5 m²**. Tuy nhiên, diện tích đất thực tế còn sử dụng được là **4.851,1 m²**, có vị trí tứ cận là: Phía Đông giáp với đất ông Bến có tổng chiều dài là 65,57 m (gồm tổng các cạnh 31,21m + 13,57m + 20,79m); Phía Tây giáp với đường liên huyện chiều dài là 58,42 m; Phía Nam giáp với diện tích đất nằm ngoài GCNQSDĐ có chiều dài là 84,94 m; Phía Bắc giáp với đất ông Hoà có tổng chiều dài là 73,14 m (gồm tổng các cạnh 28,77m + 44,37m). Đối với diện tích đất **82,5 m²**, hiện đã không còn sử dụng được vì đã nằm ở vị trí bên kia đường nên người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu chia di sản thừa kế là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng diện tích đất **4.851,1 m²** đất trồng cây hàng năm tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 238, tờ bản đồ số 14, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy Cường số AP 233304 ngày 28/5/2009 do Uỷ ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai. Đối với yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật của bị đơn bà Nguyễn Thị Minh N thì người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý, đề nghị Toà án chia thừa kế cho những người được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật bằng tiền mặt.

Tại các bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị Minh N trình bày: Bà là con gái ruột của bà Tôn Thị Thuỷ (*đã mất*), bà Thuỷ là mẹ ruột của ông Nguyễn Duy Cường. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H đang yêu cầu chia di sản thừa

kế của ông Cường cho hai cháu là C và C là con trai của ông Cường. Ông Cường chết không để lại di chúc nên người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng diện tích đất 6.137m² đất trồng cây hàng năm tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy Cường thì bà cũng thống nhất đây là di sản do ông Cường để lại. Bà H yêu cầu được nhận một nửa tài sản trên thì bà đồng ý, còn một nửa tài sản là di sản của ông Cường nên bà đề nghị Toà án phân chia để bà và các cháu C và C được nhận thừa kế theo quy định của pháp luật. Hiện nay, trên diện tích đất đang chia di sản này mẹ bà (là bà Tôn Thị Thủy) đã cho bà Lâm Thị Thủy L thuê để canh tác, trồng mía. Nội dung cho thuê đất là trong vòng 03 năm bắt đầu từ đầu năm 2023 đến cuối năm 2025 với giá tiền thuê là 15.000.000 đồng, bà Thủy đã nhận đủ tiền nên đề nghị Toà án khi giải quyết vụ án xem xét giải quyết.

Sau khi Toà án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thì xác định lại diện tích đất đang tranh chấp để chia di sản là **4.851,1 m²**, có vị trí tứ cận là: Phía Đông giáp với đất ông Bến có tổng chiều dài là 65,57 m (gồm tổng các cạnh 31,21m + 13,57m + 20,79m); Phía Tây giáp với đường liên huyện chiều dài là 58,42 m; Phía Nam giáp với diện tích đất nằm ngoài GCNQSDĐ có chiều dài là 84,94 m; Phía Bắc giáp với đất ông Hoà có tổng chiều dài là 73,14 m (gồm tổng các cạnh 28,77m + 44,37m), bà không có ý kiến gì đối với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà có yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là một phần quyền sử dụng đất.

Tại các bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Bà và ông Cường đã chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Thành An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai vào ngày 16/11/2006. Đến năm 2021 đã ly hôn theo Bản án số 11/2021/HNGĐ-ST ngày 06/10/2021 của Toà án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Bà và ông Cường có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy C và cháu Nguyễn Chí C. Tài sản chung được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bà và ông Cường là quyền sử dụng diện tích đất 6.137m² đất trồng cây hàng năm tại thôn 3 (trước là thôn 5), xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 238, tờ bản đồ số 14, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy Cường số AP 233304 ngày 28/5/2009 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ di sản thừa kế là quyền sử dụng diện tích **4.851,1 m²** đất trồng cây hàng năm tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 238, tờ bản đồ số 14, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy Cường số AP 233304 ngày 28/5/2009 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai. Nguồn gốc của diện tích đất này là do bà và ông Cường nhận sang nhượng từ hộ ông Nguyễn Hà Đông-bà Phạm Thị Thu Hà. Ngày 06/11/2022, ông Cường chết nhưng không để lại di chúc định đoạt di sản trong khối tài sản chung với bà nêu trên. Sau đó, ngày 14/01/2023 bà Thủy mẹ ruột của ông Cường chết cũng không để lại di chúc định đoạt di sản thừa kế của bà Thủy. Vì vậy, bà yêu cầu Toà án giải quyết phân chia tài sản chung của bà và ông Cường là quyền sử dụng diện tích đất 6.137m² đất trồng cây hàng năm tại thôn 3 (trước là thôn 5), xã ĐăkHlơ, huyện K, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 238, tờ bản đồ số 14, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy Cường số AP 233304 ngày 28/5/2009 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, sau đó chia di sản thừa kế của ông Cường theo quy định của pháp luật.

Bà có nguyện vọng được nhận tài sản chung bằng hiện vật là quyền sử dụng đất để canh tác nuôi các con. Bà sẽ thanh toán lại kỹ phần thừa kế của những người được nhận thừa kế theo quy định của pháp luật bằng tiền mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án có đưa bà Lâm Thị Thuý L vào tham gia tố tụng vì bà L là người đang sử dụng diện tích đất đang chia di sản thừa kế trên để trồng mía. Trước khi mất bà Thuý (*mẹ ông Cường*) đã cho bà L thuê để trồng mía trong thời gian 03 năm từ đầu năm 2023 đến đầu năm 2026, tiền thuê là 15.000.000 đồng, bà Thuý đã nhận đủ tiền. Khi làm việc tại Toà án, bà và bà L đã thống nhất là để bà L tiếp tục trồng mía trên đất cho đến khi hết thời hạn thuê đất.

Tại các bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Thuý L trình bày: Cuối năm 2022, bà Tôn Thị Thuý có cho bà thuê với diện tích đất hơn 5.000m² của cháu Nguyễn Duy Cường để trồng mía, tại thôn 3, xã ĐăkHlơ, huyện K, tỉnh Gia Lai trong vòng 03 năm (2023-2026). Bà đã giao đủ tiền cho bà Thuý số tiền là 15.000.000 đồng, giữa bà và Thuý có viết giấy tay về nội dung trên, hiện bà đang giữ. Bà H cũng biết nội dung bà thuê đất để trồng mía. Sau khi làm việc với bà H thì giữa bà và bà H đã thống nhất để bà tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê đất trên là bà sẽ tiếp tục trồng mía và sẽ giao lại đất cho bà H vào đầu năm 2026. Vì vậy, bà không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này.

Các tài liệu, chứng cứ được người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giao nộp, gồm:

- 01 Bản án số 11/2021/HNGĐ-ST ngày 06/10/2021 của Toà án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai (bản chính);
- 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Nguyễn Duy Cường (bản sao);
- 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Lệ H (bản sao);
- 02 Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Duy C và Nguyễn Chí C (đều là bản sao).
- 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Duy Cường (bản sao);
- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 233304 ngày 28/5/2009 tên người sử dụng đất Nguyễn Duy Cường (bản sao);
- 02 Giấy xác nhận thông tin về cư trú của chủ hộ Nguyễn Duy Cường và Tôn Thị Thuý (bản chính);
- 01 Trích lục khai tử mang tên Nguyễn Duy Cường (bản sao);
- 01 Bản khai lý lịch quan hệ nhân thân trong giải quyết dân sự về thừa kế của người khai bà Nguyễn Thị Lệ H (bản chính).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Ông Nguyễn Duy Cường và bà Nguyễn Thị Lệ H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai vào ngày 16/11/2006 và ly hôn vào ngày 06/10/2021. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do bà H giao nộp là Bản án số 11/2021/HNGĐ-ST ngày 06/10/2021 của Toà án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai; ông Cường và bà H có 02 con tên cháu Nguyễn Duy C, sinh ngày 05/8/2007 và cháu Nguyễn Chí C, sinh ngày 17/3/2010. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do bà H giao nộp là 02 Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Duy C và Nguyễn Chí C (đều là bản sao). Ông Cường chết vào ngày 06/11/2022. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do bà H giao nộp là 01 Trích lục khai tử mang tên Nguyễn Duy Cường (bản sao).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ

quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại các Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại các Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại các Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 77 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 101, Điều 104, Điều 108, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 468, Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH XIV, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về yêu cầu phân chia di sản thừa kế là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng diện tích **4.851,1** m² đất trồng cây hàng năm tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai do ông Nguyễn Duy Cường để lại như kết quả định giá tài sản ngày 16/6/2023 đã xác định. Cụ thể: Ký phần thừa kế cháu Nguyễn Duy C được nhận trị giá là 16.801.987 đồng, ký phần thừa kế cháu Nguyễn Chí C được nhận trị giá là 16.801.987 đồng, ký phần thừa kế bà Nguyễn Thị Minh N được nhận là 6.720.795 đồng.

Giao cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ H quản lý, sử dụng quyền **4.851,1** m² đất trồng cây hàng năm tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 238, tờ bản đồ số 14, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy Cường số AP 233304 ngày 28/5/2009 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai. Có vị trí tứ cận là: Phía Đông giáp với đất ông Bến có tổng chiều dài là 65,57 m (gồm tổng các cạnh 31,21m + 13,57m + 20,79m); Phía Tây giáp với đường liên huyện chiều dài là 58,42 m; Phía Nam giáp với diện tích đất nằm ngoài GCNQSDĐ có chiều dài là 84,94 m; Phía Bắc giáp với đất ông Hoà có tổng chiều dài là 73,14 m (gồm tổng các cạnh 28,77m + 44,37m).

Bà H phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho cháu Nguyễn Duy C và cháu Nguyễn Chí C mỗi cháu số tiền là 16.801.987 đồng, cho bà Nguyễn Thị Minh N số tiền là 6.720.795 đồng.

Giao cho bà H đại diện quản lý ký phần mà cháu Nguyễn Duy C và cháu Nguyễn Chí C được phân chia cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ điều kiện để tự quản lý, sử dụng tài sản trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000 đồng. Bà H đã nộp đủ.

- Buộc bà H, bà N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. (Có kèm theo bài phát biểu).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa lời trình bày của các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của vụ án: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lê H có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Duy Cường để lại là diện tích đất tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Minh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Thuý L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt và không uỷ quyền cho ai tham gia tố tụng. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và bà L.

[2] Về thời hiệu khởi kiện, xác định thời điểm mở thừa kế: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm. Ông Nguyễn Duy Cường chết ngày 06/11/2022 thì thời điểm mở thừa kế đối với di sản của ông Cường được tính từ ngày ông Cường chết. Ngày 08/3/2023, cháu Nguyễn Duy C và Nguyễn Chí C (*là con đẻ của ông Cường*) thông qua người đại diện hợp pháp của cháu C và cháu C là bà Nguyễn Thị Lê H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện K yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Cường là đảm bảo đúng thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về xác định tài sản chung của bà Nguyễn Thị Lê H và ông Nguyễn Duy Cường: Thời kỳ hôn nhân của ông Cường và bà H là từ ngày 16/11/2006 đến ngày 06/10/2021. Khi bà H và ông Cường ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Qua tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập từ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K xác định nguồn gốc của diện tích đất 6.137m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 233304 ngày 28/5/2009 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai cấp cho ông Nguyễn Duy Cường hình thành từ việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông Nguyễn Hà Đông và bà Phạm Thị Thu Hà được Ủy ban nhân dân xã ĐăkHlơ chứng thực vào năm 2009 còn đang trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông Cường. Đồng thời cả bà H, bà N đều xác định quyền sử dụng đất tại thửa đất số 238 là tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của ông Cường và bà H. Vì vậy, căn cứ vào Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xác định quyền sử dụng đất tại thửa đất số 238 là tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của ông Cường và bà H.

Ngày 16/6/2023 Tòa án nhân dân huyện K đã thành lập Hội đồng để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá đối với thửa đất số 238. Theo kết quả đo đạc xác định diện tích thửa đất 238 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 6.137m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trong đó: Diện tích thu hồi GPMB đường liên huyện là 720,5m²; Diện tích nằm trong CGQHGT là 482,9 m²; Diện tích còn lại của thửa đất là **4.933,6 m²**, gồm 02 thửa: Thửa 01 có diện tích là **4.851,1 m²** và thửa 02 có diện tích là **82,5 m²**. Tuy nhiên, diện tích đất thực tế còn sử dụng được là **4.851,1 m²**, có vị trí tứ cận là: Phía Đông giáp với đất ông Bến có tổng chiều dài là 65,57 m (gồm tổng các cạnh 31,21m + 13,57m + 20,79m); Phía Tây giáp với đường liên huyện chiều dài là

58,42 m; Phía Nam giáp với diện tích đất nằm ngoài GCNQSDĐ có chiều dài là 84,94 m; Phía Bắc giáp với đất ông Hoà có tổng chiều dài là 73,14 m (gồm tổng các cạnh 28,77m + 44,37m). Đối với diện tích đất **82,5 m²**, hiện đã không còn sử dụng được vì đã nằm ở vị trí bên kia đường nên bà H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Lệ H không có ý kiến gì đối với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 16/6/2023 của Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Như vậy xác định tài sản chung của ông Nguyễn Duy Cường và bà Nguyễn Thị Lệ H là diện tích **4.851,1 m²** đất trồng cây hàng năm là tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai thuộc thửa đất số 238, tờ bản đồ số 14, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy Cường số AP 233304 ngày 28/5/2009 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai. Ngày 16/6/2023 Hội đồng định giá xác định giá trị tài sản chung của ông Cường và bà H là 80.649.538 đồng (*tám mươi triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng*). Căn cứ vào Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xác định bà H được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản chung của vợ chồng có giá trị là **40.324.769 đồng** (*bốn mươi triệu, ba trăm hai mươi bốn, nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng*); ông Cường được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản chung của vợ chồng có giá trị là **40.324.769 đồng** (*bốn mươi triệu, ba trăm hai mươi bốn, nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng*).

[3.2] Về di sản thừa kế: Ngày 06/11/2022, ông Nguyễn Duy Cường chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế mà ông Cường để lại sẽ được phân chia theo pháp luật. Các đương sự đều thống nhất tài sản chung của ông Cường và bà H chỉ duy nhất là quyền sử dụng diện tích 6.137m² đất trồng cây hàng năm tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 238, tờ bản đồ số 14, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy Cường số AP 233304 ngày 28/5/2009 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai (*viết tắt là thửa đất số 238*). Căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/6/2023, diện tích đất thực tế đang sử dụng là 6.631,3 m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, nhiều hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 233304 được cấp là 494,3 m². Tuy nhiên, diện tích đất còn lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi trừ đi diện tích thu hồi GPMB đường liên huyện là 720,5m² và diện tích nằm trong CGQHGT là 482,9 m² còn lại là 4.933,6 m², gồm 02 thửa: Thửa 01 có diện tích là **4.851,1 m²** và thửa 02 có diện tích là **82,5 m²**. Tuy nhiên, trên thực tế chỉ sử dụng và quản lý được đối với diện tích 4.851,1 m² còn đối với diện tích là 82,5 m² đã nằm ở phía bên đường không cùng vị trí với toàn bộ diện tích đất còn lại. Bà H và bà N đều xác định không yêu cầu Toà án giải quyết đối với diện tích đất không sử dụng được là 82,5 m². Ngày 16/6/2023 Hội đồng định giá xác định giá trị tài sản chung của ông Cường và bà H là 80.649.538 đồng (*tám mươi triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng*).

Như vậy, di sản thừa kế do ông Nguyễn Duy Cường để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng diện tích **4.851,1 m²** đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, thuộc thửa đất số 238 tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai có giá trị là **40.324.769 đồng** (*bốn mươi triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng*).

Các đương sự đều không có ý kiến gì đối với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 16/6/2023 của Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[3.3] Về hàng thừa kế và kỷ phần thừa kế của những người được hưởng thừa kế:

Theo bản khai lý lịch về quan hệ gia đình của người chết để lại di sản xác định: cháu Nguyễn Duy C, cháu Nguyễn Chí C và bà Tôn Thị Thủy là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Duy Cường. Đến năm 2023 bà Tôn Thị Thủy chết không để lại di chúc, bà Thủy chết sau ông Cường nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Thủy là 02 con Nguyễn Duy Cường và Nguyễn Thị Minh N sẽ được hưởng phần thừa kế của bà Thủy. Ông Cường chết năm 2022, chết trước bà Thủy nên 02 con của ông Cường là cháu C và cháu C là người thừa kế thế vị của ông Cường. Bà Nguyễn Thị Lệ H đã ly hôn với ông Cường vào ngày 06/10/2021 nên bà H không được hưởng thừa kế từ ông Cường. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định có 03 người được hưởng di sản thừa kế của ông Cường (gồm cháu Nguyễn Duy C, cháu Nguyễn Chí C và bà Tôn Thị Thủy). Di sản thừa kế của ông Nguyễn Duy Cường có giá trị là **40.324.769** đồng (*bốn mươi triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng*) sẽ được chia làm 03 kỷ phần: cháu Nguyễn Duy C được hưởng 13.441.590 đồng; cháu Nguyễn Chí C được hưởng 13.441.589 đồng và bà Tôn Thị Thủy được hưởng 13.441.590 đồng. Trong kỷ phần của bà Tôn Thị Thủy thì cháu C, cháu C được nhận thừa kế thế vị từ ông Cường có giá trị là 6.720.795 đồng, bà N được hưởng là 6.720.795 đồng.

Như vậy, cháu Nguyễn Duy C được nhận 16.801.987 đồng; cháu Nguyễn Chí C được nhận 16.801.987 đồng và bà Nguyễn Thị Minh N được nhận 6.720.795 đồng. Do cháu C và cháu C còn nhỏ nên giao cho bà Nguyễn Thị Lệ H là người đại diện hợp pháp của cháu C và cháu C quản lý kỷ phần mà cháu Nguyễn Duy C và cháu Nguyễn Chí C được hưởng cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ điều kiện để tự quản lý, sử dụng tài sản trên.

[4] Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Minh N là một trong những người được nhận thừa kế, trong quá trình giải quyết vụ án bà N yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật nhưng bằng hiện vật là một phần quyền sử dụng đất. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ H không đồng ý và bà H có nguyện vọng được nhận phần tài sản chung bằng hiện vật là quyền sử dụng đất sau đó sẽ thanh toán lại cho những người được hưởng thừa kế bằng tiền mặt. Hơn nữa, kỷ phần bà Nguyễn Thị Minh N được nhận là 6.720.795 đồng, chỉ bằng một phần nhỏ so với giá trị quyền sử dụng đất là di sản thừa kế. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà N là nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là một phần quyền sử dụng đất.

[5] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ H, trong quá trình Tòa án giải quyết đã xác định diện tích đất đang tranh chấp để chia di sản thừa kế trên là tài sản chung của bà H và ông Cường. Để giải quyết được vụ án phân chia di sản thừa kế cần phân chia tài sản chung của bà H và ông Cường sau khi ly hôn. Theo đó, bà H được nhận giá trị của tài sản chung là 40.324.769 đồng. Bà H có nguyện vọng được nhận tài sản chung bằng hiện vật và sẽ thanh toán cho những người được hưởng thừa kế bằng tiền mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà, giao cho bà Nguyễn Thị Lệ H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 4.851,1 m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm tại thôn 3, xã xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Đồng thời, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho cháu Nguyễn Duy C và cháu Nguyễn Chí C mỗi cháu số tiền là 16.801.987 đồng và bà Nguyễn Thị Minh N số tiền là 6.720.795 đồng.

Đối với bà Lâm Thị Thuý L trong quá trình giải quyết vụ án bà N đề nghị Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cuối

năm 2022, bà Tôn Thị Thủy có cho bà thuê toàn bộ diện tích đất của ông Nguyễn Duy Cường để trồng mía, tại thôn 3, xã ĐăkHlơ, K, tỉnh Gia Lai trong thời hạn 03 năm (từ năm 2023 đến năm 2026). Bà đã giao cho bà Thủy số tiền 15.000.000 đồng, giữa bà và Thủy có viết giấy tay về nội dung trên. Bà H cũng biết nội dung bà thuê đất để trồng mía. Sau khi Toà án xem xét, thẩm định tại chỗ xác định hiện nay bà L đang trồng mía trên toàn bộ diện tích đất trên. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, bà L khai giữa bà và bà H đã thống nhất được với nhau về thời hạn thuê đất nên bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trong trường hợp hai bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Việc định giá và xem xét thẩm định tại chỗ là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã tạm nộp số tiền là 4.000.000 đồng, đã chi phí hết số tiền 4.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000 đồng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lệ H chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần giá trị di sản thừa kế mà cháu Nguyễn Duy C và cháu Nguyễn Chí C được nhận là: $(16.801.987 \text{ đồng} + 16.801.987 \text{ đồng}) \times 5\% = 1.680.198 \text{ đồng}$.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh N chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần giá trị di sản thừa kế được nhận là $6.720.795 \text{ đồng} \times 5\% = 336.039 \text{ đồng}$.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ H chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần giá trị tài sản chung được nhận là $40.324.769 \text{ đồng} \times 5\% = 2.016.238 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 97, Điều 99, Điều 101, Điều 104, Điều 106, Điều 108, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468, Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XI;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cháu Nguyễn Duy C và cháu Nguyễn Chí C là bà Nguyễn Thị Lệ H.

2. Xác định tài sản chung của ông Nguyễn Duy Cường và bà Nguyễn Thị Lệ H là diện tích **4.851,1 m²** đất trồng cây hàng năm là tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 238, tờ bản đồ số 14, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy Cường số AP 233304 ngày 28/5/2009 do Ủy ban nhân dân

huyện K, tỉnh Gia Lai. Tổng giá trị tài sản chung là 80.649.538 đồng (*tám mươi triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng*). Trong đó xác định bà H được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là **40.324.769** đồng (*bốn mươi triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng*).

3. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Duy Cường để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng diện tích **4.851,1** m² đất trồng cây hàng năm tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 238, tờ bản đồ số 14, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy Cường số AP 233304 ngày 28/5/2009 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai có giá trị là 40.324.769 đồng (*bốn mươi triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng*) cụ thể những người thừa kế được nhận như sau:

Cháu Nguyễn Duy C được nhận 16.801.987 đồng (*mười sáu triệu, tám trăm lẻ một nghìn, chín trăm tám mươi bảy đồng*).

Cháu Nguyễn Chí C được nhận 16.801.987 đồng (*mười sáu triệu, tám trăm lẻ một nghìn, chín trăm tám mươi bảy đồng*).

Giao cho bà Nguyễn Thị Lệ H là người đại diện hợp pháp của cháu C và cháu C quản lý kỹ phần mà cháu Nguyễn Duy C và cháu Nguyễn Chí C được nhận cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ điều kiện để tự quản lý, sử dụng tài sản trên.

Bà Nguyễn Thị Minh N được nhận 6.720.795 đồng (*sáu triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng*).

4. Giao cho bà Nguyễn Thị Lệ H được quyền quản lý, sử dụng diện tích **4.851,1** m² đất trồng cây hàng năm tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 238, tờ bản đồ số 14, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy Cường số AP 233304 ngày 28/5/2009 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai. Có vị trí tứ cận là: Phía Đông giáp với đất ông Bến có tổng chiều dài là 65,57 m (gồm tổng các cạnh 31,21m + 13,57m + 20,79m); Phía Tây giáp với đường liên huyện chiều dài là 58,42 m; Phía Nam giáp với diện tích đất nằm ngoài GCNQSDĐ có chiều dài là 84,94 m; Phía Bắc giáp với đất ông Hoà có tổng chiều dài là 73,14 m (gồm tổng các cạnh 28,77m + 44,37m).

(*Kèm theo bản án là Sơ đồ và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai*).

Bà Nguyễn Thị Lệ H phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho cháu Nguyễn Duy C số tiền là 16.801.987 đồng; cháu Nguyễn Chí C số tiền là 16.801.987 đồng và bà Nguyễn Thị Minh N số tiền là 6.720.795 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Lệ H có quyền, nghĩa vụ làm thủ tục đăng ký kê khai để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Lệ H tự nguyện chịu toàn bộ là 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà bà H đã nộp ngày 18/5/2023. Bà H đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

5. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Buộc người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cháu Nguyễn Duy C và cháu Nguyễn Chí C là bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 1.680.198 đồng (*một triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, một trăm chín mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.562.500 đồng (*một triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0003783 ngày 06/3/2023 của Chi cục THADS huyện K, tỉnh Gia Lai. Bà H còn phải nộp 117.698 đồng (*một trăm mười bảy nghìn, sáu trăm chín mươi tám đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Minh N phải chịu 336.039 đồng (*ba trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 2.016.238 đồng (*hai triệu, không trăm mười sáu nghìn, hai trăm ba mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Lệ H có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bà Nguyễn Thị Minh N và bà Lâm Thị Thuý L được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc

